


VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (ĐK 05)
(Vietnam Metrology Institute)

 Địa chỉ (Add.): Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
 Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại (Tel.): (84-024) 37914876 ; Fax: (84-024) 37564260

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)
Số (No): V15.CN5.2225.19
Tên đối tượng (Object): Tủ môi trường (Climate Chamber)
Kiểu (Type): Piecise **Số (Serial No.)/Mã QL(Tag No):** N/A / TB-104

Nơi sản xuất (Manufacturer): AOV-Nikatei

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): $(15 \div 50) ^\circ\text{C}$ $(30 \div 80) \% \text{RH}$
 Độ phân giải (Resolution): $0,1 ^\circ\text{C}$ / $0,1 \% \text{RH}$
Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Đảm bảo chất lượng Việt Nam

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of Calibration): VMI/IMS - CP 18 : 2017

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

 Nhiệt kế điện trở (SPRT), 5615/ Fluke/USA, $U_{95} = 0,05 ^\circ\text{C}$ ($k=2$).

 Nhiệt kế điểm sương (Chilled Mirror Hygrometer) Dewmaster /USA, $U_{95} = 0,2 ^\circ\text{C}$ ($k=2$)

Hiệu lực của chuẩn (Expiry date of Standards used): 01-2020

Chuẩn được liên kết đến hệ đơn vị quốc tế SI

(Standards are traceable to the International System of unit SI)
Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau *(The result of the calibration on the next page)*
Ngày hiệu chuẩn đề nghị tới (Recalibration recommended): 31-08-20

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2019

(Date of issue)
Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)
Nguyễn Thị Huyền
VIỆN TRƯỞNG
(Director)

PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Bùi Quốc Thu
Trang: 1/2
(No of pages)
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): V15.CN5.2225.19

Giá trị nhiệt độ t (°C) tại 60% RH				
Nhiệt độ chuẩn (Standard) / °C	Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) / °C	Số hiệu chỉnh (Correction) / °C	Độ ổn định (Stability) / °C	Độ đồng đều (Uniformity) / °C
20,2	20,0	+0,2	±0,1	±0,3
25,3	25,0	+0,3		
30,4	30,0	+0,4		
35,7	35,0	+0,7		
41,0	40,0	+1,0		

Giá trị độ ẩm tương đối (% RH) tại 20 °C				
Độ ẩm chuẩn (Standard) / % RH	Độ ẩm chỉ thị (Indicator) / % RH	Số hiệu chỉnh (Correction) / % RH	Độ ổn định (Stability) / % RH	Độ đồng đều (Uniformity) / % RH
36,9	35,0	+1,9	±0,2	±0,6
42,1	40,0	+2,1		
52,7	50,0	+2,7		
62,4	60,0	+2,4		
70,5	70,0	+0,5		

Độ không đảm bảo đo của phép hiệu chuẩn (Uncertainty) ($P \approx 95\%, k = 2$): $U = 0,4 \text{ °C} / 1,6 \text{ \% RH}$

Người hiệu chuẩn
(Calibrated by)

Nguyễn Văn Đức



Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)